



BÀI HỌC TỪ TÍN DỤNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN Ở TRUNG QUỐC

PGS., TS. ĐOÀN THANH HÀ - Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Hiện nay, các nước trên thế giới đã can thiệp mạnh mẽ và tích cực vào quá trình tín dụng hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn với những chiến lược riêng, tùy theo đặc thù về lịch sử, văn hóa, xã hội, chính trị và kinh tế của đất nước. Bài viết phân tích kinh nghiệm phát triển tín dụng cho nông nghiệp ở Trung Quốc, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển tín dụng nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam trong thời gian tới.

Kinh nghiệm phát triển tín dụng nông nghiệp ở Trung Quốc

Do hệ quả toàn cầu của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, từ năm 2010, Trung Quốc từng bước chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào đầu tư và xuất khẩu, sang mô hình tăng trưởng dựa cả vào xuất khẩu, lẫn vào nhu cầu trong nước. Theo đó, nước này chú trọng hơn đến mở rộng nhu cầu trong nước, nhất là nhu cầu tiêu dùng, điều chỉnh cơ cấu phân phối thu nhập quốc gia, tăng thu nhập cho tầng lớp có thu nhập thấp và trung bình... Đặc biệt, xuất phát từ quan điểm việc tăng thêm đầu tư, trợ cấp, những hỗ trợ về tài chính và chính sách cho lĩnh vực “tam nông” sẽ giúp phối hợp tốt hơn sự phát triển giữa thành thị và nông thôn, nên ngày 31/1/2010 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản và Quốc vụ viện Trung Quốc đã ban hành văn kiện về đầu tư, hỗ trợ và phát triển khu vực nông thôn, trong đó nêu rõ các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, về vai trò của Nhà nước trong phát triển nông nghiệp và nông thôn

Chính phủ Trung Quốc tiếp tục cải thiện hệ thống chính sách hỗ trợ nông dân, hỗ trợ phát triển nông thôn và đầu tư tài chính cho nông thôn, nâng cao đời sống người dân. Đồng thời, vừa tăng đầu tư cho máy móc, công nghệ phục vụ nông nghiệp, vừa bảo đảm đầu ra cho các sản phẩm với việc mua vào và tích trữ các sản phẩm nông nghiệp chính (ngũ cốc, khoai tây, lúa mạch...) nhằm bình ổn giá lương thực. Việc bảo đảm đầu ra và bình

ổn giá sản phẩm nông nghiệp ngũ cốc của Chính phủ góp phần phát triển nông nghiệp, ổn định đời sống, giúp nông dân chủ động, tự tin và huy động các nguồn nội lực cho phát triển sản xuất và tự cải thiện đời sống của mình theo các đặt hàng của Chính phủ hay doanh nghiệp (DN) bao tiêu sản phẩm, cũng như tránh được sức ép bất lợi của thị trường và các hoạt động đầu cơ.

Thứ hai, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn

Để đảm bảo dịch vụ ngân hàng cơ bản có mặt tại khắp các địa phương, cung cấp các khoản tín dụng lớn và dịch vụ bảo hiểm ở nông thôn, Trung Quốc chủ trương ban hành các biện pháp huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để hỗ trợ khu vực vùng sâu, vùng xa. Theo đó, các ngân hàng gia tăng cho vay tín dụng nông nghiệp ở khu vực nông thôn (khoảng 2/3 trong tổng số hơn 70 triệu nông dân bị thiếu dịch vụ ngân hàng). Chính phủ đã yêu cầu các thể chế tài chính như Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc, Hợp tác xã tín dụng nông thôn... tăng các khoản vay tín dụng có liên quan đến nông nghiệp. Đặc biệt, Ngân hàng Phát triển Nông thôn được chỉ thị phải nói rộng hỗ trợ nông nghiệp và tăng tín dụng dài hạn cho xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn, tạo bước đột phá trong dịch vụ tài chính tại nông thôn. Đồng thời, khuyến khích phát triển các ngân hàng nhỏ, các DN cho vay vốn nhằm dẫn nguồn vốn chảy về thị trường tài chính nông thôn; Dự kiến ban hành những quy tắc mới trong hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) những tổ chức tài chính nông thôn vừa và nhỏ, cụ thể, sẽ



tiếp tục các cải cách nới lỏng quy định về giới hạn sở hữu không quá 10% tổng cổ phần của một cơ quan ngân hàng nông thôn, góp phần đa dạng hóa quyền sở hữu của các cơ quan tài chính nông thôn, giúp ngày càng nhiều nhà đầu tư tiếp cận được thị trường tài chính nông thôn.

Bên cạnh đó, khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường tài chính nông thôn dưới dạng thích hợp, như mở chi nhánh hay lập các liên doanh ngân hàng. Năm 2009, Ngân hàng HSBC đã mở chi nhánh đầu tiên ở Thành Đô và trở thành ngân hàng nước ngoài đầu tiên thâm nhập vào thị trường tài chính nông thôn Trung Quốc. Nhiều ngân hàng hàng đầu thế giới khác như Citibank, Standard Charter... cũng có kế hoạch cung cấp các dịch vụ ngân hàng tại khu vực nông thôn Trung Quốc.

Thứ ba, về hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

Với quan niệm phát triển nông nghiệp hiện đại là mục tiêu chính trong việc chuyển đổi tính chất của tăng trưởng kinh tế đất nước, Trung Quốc chủ trương tăng cường đầu tư công nghệ, hiện đại hóa nông nghiệp, nghiên cứu các loại giống mới, hỗ trợ chương trình biến đổi gen, đầu tư hệ thống tưới tiêu, cải tạo đất nhằm tăng sản lượng và chất lượng nông sản. Yêu cầu các bộ, ngành liên quan nghiên cứu các chính sách ưu đãi để hướng thêm các nguồn nhân lực được đào tạo và các viện nghiên cứu khoa học về các khu vực nông thôn. Kêu gọi và khuyến khích các nhà đầu tư và các hoạt động đầu tư phát triển bất động sản và các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác ở nông thôn.

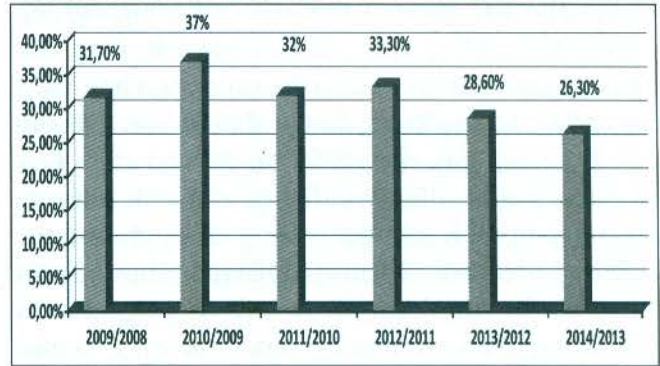
Thứ tư, hỗ trợ nông dân bảo vệ quyền lợi và hòa nhập vào đời sống đô thị

Thống kê mới nhất cho thấy, có tới 60% trong số 150 triệu lao động nhập cư sinh ra trong những năm 1980 và 1990 không biết làm nông nghiệp và đang lao đao với cuộc sống tại thành phố. Vì vậy, Trung Quốc chủ trương giúp những người nông dân hòa nhập hơn vào cuộc sống thành thị. Theo đó, giảm bớt những hạn chế đối với hộ khẩu thường trú để có thêm nhiều nông dân có thể chuyển về thành phố và được hưởng các quyền lợi cũng như dịch vụ công cộng giống như các cư dân thành phố gốc. Người lao động nhập cư cũng sẽ được tham gia các chương trình bảo hiểm y tế và lương hưu cơ bản tại các thành phố. Chính phủ cũng sẽ nỗ lực giải quyết các vấn đề ảnh hưởng xấu đến lợi ích của nông dân như việc thu hồi đất, ô nhiễm môi trường...

Tín dụng nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam

Tính đến tháng 12/2014, dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát

HÌNH 1. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DƯ NỢ CHO VAY ĐỐI VỚI LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN



Nguồn: Báo cáo của Agribank Việt Nam và tính toán của tác giả

triển Nông thôn (Agribank) và hệ thống Quỹ Tín dụng Nhân dân, cộng với vốn của Ngân hàng Chính sách Xã hội cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách đạt khoảng 291,67 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 21% tổng dư nợ cho vay các thành phần kinh tế của các tổ chức tín dụng (TCTD) ở Việt Nam. Khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam chiếm hơn 70% dân số và hơn 72% lực lượng lao động, nhưng đến nay cũng mới chỉ chiếm dưới 28% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế của hệ thống TCTD. Dư nợ cho vay tập trung chủ yếu tại khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, chiếm khoảng 49% tổng dư nợ cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Phần còn lại tập trung cho khu vực Duyên hải miền Trung, chiếm khoảng 14,43%, đồng bằng Bắc Bộ 17,21%, miền núi phía Bắc 9,86%, Tây Nguyên 9,4%.

Trong giai đoạn 2010 - 2014, Việt Nam đầu tư cho phát triển nông nghiệp chỉ đạt 245 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,7% vốn đầu tư Nhà nước và mới chỉ đáp ứng 17% nhu cầu của khu vực này. Đầu tư cho khuyến nông chỉ là 0,13% GDP (trong khi các nước khác tỷ lệ này là 4%). Đầu tư FDI vào nông nghiệp, nông thôn chiếm 6% tổng nguồn vốn FDI...

Mặc dù hiện thị trường tài chính nông thôn Việt Nam đang được tiếp nhận nhiều nguồn vốn đầu tư như: Vốn ngân sách nhà nước; vốn tín dụng nông nghiệp lãi suất ưu đãi đầu tư các dự án; vốn tín dụng lãi suất ưu đãi cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách..., song các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tại khu vực nông thôn còn nghèo nàn, chủ yếu là tín dụng truyền thống. Các dịch vụ thanh toán, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng nông nghiệp còn rất hạn chế, gần như mới phát triển ở mức thử nghiệm, sản phẩm tín dụng của ngân hàng chưa bao gồm các dịch vụ hỗ trợ đi kèm, các công cụ đầu tư tài chính chuyên nghiệp cho thị trường này hầu như chưa có.



Quy trình cung cấp tín dụng còn phức tạp, chưa phù hợp với trình độ của người dân; lãi suất các khoản cho vay thương mại đối với nông nghiệp - nông thôn còn ở mức rất cao, tạo đất sống cho nhiều tệ nạn như “cò” vay vốn, tín dụng nặng lãi... Hơn nữa, các nguồn tín dụng - đầu tư còn mất cân đối, khả năng huy động vốn tại chỗ còn chưa cao; sử dụng vốn tín dụng và đầu tư còn tình trạng bị động, bất hợp lý, dàn trải, chùng chẻo, chưa được phối hợp đồng bộ... Thậm chí, đến nay, chưa có một thống kê đầy đủ, chính xác nào về tổng nguồn vốn đầu tư cho khu vực nông nghiệp, thực trạng và nhu cầu vốn đầu tư cho từng địa bàn, từng đối tượng cụ thể trong nông nghiệp. Đây là một trong những lý do tại sao khu vực nông nghiệp chưa có những cải thiện mạnh mẽ cả về mức sống và trình độ kinh tế, mặc dù trên 80% hộ nông dân tại tất cả các vùng, miền trong cả nước đã được tiếp cận vốn và các dịch vụ của Agribank và Ngân hàng Nhà nước đã có quan tâm xây dựng các cơ chế chính sách phát triển tín dụng nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ nâng cao năng lực của các định chế tài chính...

Một số gợi ý để phát triển tín dụng nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam

Những chính sách tín dụng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc có thể đem lại cho Việt Nam những gợi mở hữu ích, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều bài toán nan giải từ khu vực nông nghiệp và nông thôn trong quá trình mở cửa và hội nhập. Theo đó, thời gian tới, để tạo động lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững thị trường tín dụng nông nghiệp và nông thôn cần có những giải pháp đồng bộ và mạnh mẽ hơn, cụ thể:

Một là, tăng cường vai trò của Chính phủ trong các hoạt động tín dụng nông nghiệp và nông thôn

- Xây dựng và quản lý các quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn, sử dụng đất, thực hiện chính sách giao đất và cấp chứng nhận quyền sử dụng đất tạo thuận lợi cho các hoạt động xúc tiến đầu tư và cho vay, thế chấp trong tín dụng nông thôn. Đặc biệt, cần khuyến khích quá trình tích tụ ruộng đất cho kinh doanh lớn thông qua những điều chỉnh thích hợp và mạnh dạn về hạn điền và thời gian, phương thức giao đất.

- Thực hiện các hỗ trợ trực tiếp tài chính - tín dụng trong những trường hợp đặc biệt, như khắc phục hậu quả thiên tai, phát triển vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo...; Thực hiện các chương trình thí điểm xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp.

- Hỗ trợ đào tạo cán bộ và hoạt động của các tổ

chức TCTD, nhất là ở vùng khó khăn, như tuyên truyền chính sách vay vốn đến từng hộ gia đình; Thực hiện đơn giản hoá và rút ngắn thời hạn thủ tục đăng ký và cấp sổ đỏ xác nhận chủ quyền đất, cải tổ Luật giao dịch bảo đảm, giảm bớt quy định quản lý (nhất là về lãi suất) đối với các TCTD.

Hai là, tăng cường năng lực tài chính, quản trị rủi ro và đổi mới hoạt động của các TCTD nông nghiệp và nông thôn, nông cốt là Agribank, Quỹ Tín dụng nhân dân, Ngân hàng Chính sách xã hội

Trong giai đoạn 2010 - 2014, Việt Nam đầu tư cho phát triển nông nghiệp chỉ đạt 245 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,7% vốn đầu tư Nhà nước và mới chỉ đáp ứng 17% nhu cầu của khu vực này. Đầu tư FDI vào nông nghiệp, nông thôn chiếm 6% tổng nguồn vốn FDI...

- Tái cấu trúc và tăng vốn điều lệ, tăng năng lực tài chính cho các định chế này; Cải tiến phương thức cho vay vốn của ngân hàng theo hướng giảm bớt các thủ tục phiền hà, nhằm tạo thuận lợi cho người vay dễ dàng và nhanh chóng với chi phí giao dịch thấp. Đồng thời, tăng cường giám sát sử dụng vốn vay của các hộ sau khi vay thông qua chính quyền và các đoàn thể địa phương. Tăng cường khả năng thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm giảm rủi ro cho ngân hàng trong quá trình thu hồi nợ và tránh bỏ qua nhiều dự án tốt, nhiều phương án kinh doanh khả thi...

- Các ngân hàng cần lập kế hoạch cho vay tín dụng nông thôn một cách hợp lý về thời hạn, cơ cấu vốn đầu tư, cũng như hạn mức vốn vay, đảm bảo khai thác tiềm năng kinh tế tự nhiên của mỗi vùng, hình thành các vùng chuyên canh lúa, vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, vùng nuôi trồng và khai thác thủy hải sản... có giá trị kinh tế cao phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chú trọng cho vay đối với hộ sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với các dự án bao tiêu sản phẩm kinh doanh có hiệu quả thuộc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã và đang được hình thành, cho vay mở rộng đầu vào lĩnh vực nghiên cứu công nghệ sinh học, tạo ra giống, cây trồng mới. ...

- Đổi mới toàn diện mô hình tổ chức, mạng lưới kinh doanh theo mô hình ngân hàng thương mại hiện đại, tăng năng lực cho các đơn vị trực tiếp kinh doanh; chuyển đổi hệ thống kế toán theo chuẩn mực quốc tế, xây dựng hệ thống thông tin quản lý hiện đại.

Ba là, tăng cường đa dạng hóa các nguồn vốn và sản phẩm tín dụng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn



Nhà nước cần mở rộng tự do hóa, cùng với tăng cường tiêu chuẩn hóa và các hoạt động giám sát hoạt động của các TCTD chính thức (hệ thống ngân hàng, Quỹ Tín dụng nhân dân, các tổ chức tài chính vi mô) và phi chính thức (quan hệ vay mượn gia đình, bạn bè...) trong nước và nước ngoài để hỗ trợ các TCTD đa dạng hóa nguồn vốn và sản phẩm tín dụng phù hợp với trình độ phát triển và dân trí, thói quen ở mỗi địa phương; chú trọng giới thiệu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tiện ích tiên tiến (như dịch vụ SMS Banking, VnTopup, VnMart...); kết nối thanh toán với Kho bạc, Hải quan trong việc phối hợp thu ngân sách; phát hành thẻ tín dụng các loại...

- Các ngân hàng và TCTD cần thành lập bộ phận chuyên trách và mở rộng mạng lưới ở những nơi có điều kiện để thực hiện công tác huy động vốn. Bên cạnh việc tuyên truyền, giải thích để khách hàng mạnh dạn gửi tiền vào ngân hàng, các sản phẩm và dịch vụ huy động tiết kiệm cần đa dạng và hấp dẫn không chỉ về lãi suất và kỳ hạn, mà còn về tính thanh khoản, đặc biệt là sự ưa thích của khách hàng đối với các khoản tiết kiệm có thể rút ra được bất kỳ ở đâu và lúc nào; phát triển các sản phẩm như tiết kiệm gửi góp, tiết kiệm có dự thưởng, tiết kiệm bậc thang... Đẩy mạnh đa dạng hóa các sản phẩm tiết kiệm như: Phát hành tín phiếu, trái phiếu với mệnh giá thấp. Áp dụng phí chuyển tiền qua một cách linh hoạt để thu hút việc chuyển tiền qua ngân hàng. Vận động các tổ chức cung cấp sản phẩm đầu vào cho hộ nông dân mở tài khoản tại ngân hàng để cho vay chuyển khoản đối với hộ sản xuất, trang trại...

- Khuyến khích khai thác triệt để các nguồn vốn ủy thác từ các định chế tài chính quốc tế, các ngân hàng nước ngoài, các tổ chức phi Chính phủ thông qua các dự án mà Agribank ký kết. Các nguồn vốn ủy thác từ nước ngoài có tính chất ổn định trong một thời gian dài, rất phù hợp với nhu cầu cho vay trung, dài hạn phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đang đòi hỏi nhiều vốn có lãi suất thấp, vừa có thời gian dài phù hợp với các đối tượng cần đầu tư về kinh tế trang trại.

- Kết hợp nhiều phương thức cho vay linh hoạt như phương thức cho vay dự án đầu tư, cho vay hạn mức tín dụng, cho vay hợp vốn... nhằm giúp cho người vay chủ động hơn trong việc sử dụng vốn phù hợp với chu kỳ sản xuất trong nông nghiệp, giảm thiểu các thủ tục vay, tiết kiệm được các chi phí gián tiếp khi tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng. Đặc biệt, phát triển

loại hình tín dụng cho thuê tài chính trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Mở rộng thị trường cho thuê tài chính nông thôn nhằm khắc phục hạn chế về tài sản đảm bảo nợ vay (cho vay không cần tài sản thế chấp như vay ngân hàng). Hoạt động cho thuê tài chính giúp các hộ sản xuất đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với qui mô vốn lớn, thời gian cho thuê trung, dài hạn (5 - 10 năm) đáp ứng nhu cầu vốn, thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường phối hợp giữa các TCTD, đoàn thể và chính quyền địa phương hướng dẫn người dân cách xây dựng dự án vay vốn sử dụng đồng vốn hợp lý, đảm bảo quản lý nợ và rủi ro, vốn cho vay phải gắn kết với các chương trình phát triển kinh tế của địa phương. Các TCTD cần thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, với các cơ quan tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ như các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, viện nghiên cứu...; Phối hợp giữa các DN cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, chế biến với các hộ sản xuất, chủ trang trại tạo ra môi trường tín dụng an toàn. Ngoài mô hình cho vay trực tiếp song phương, cho vay tín chấp, cho vay qua tổ, hội như hiện nay, để gắn chặt quá trình khép kín đầu vào - sản xuất - đầu ra trong sản xuất và tiêu thụ nông sản phẩm, các mô hình cho vay trực tiếp đa phương có sự tham gia của bên cung ứng, bên tiêu thụ sản phẩm không để hộ sản xuất thiệt thòi do thiếu thông tin và thị trường. Các hợp đồng bán sản phẩm cho các DN chế biến, tiêu thụ sản phẩm của các hộ sản xuất, chủ trang trại và hợp đồng bán sản phẩm của các DN chế biến, tiêu thụ sản phẩm với các công ty trong và ngoài nước có thể được xem xét để trở thành tài sản đảm bảo nợ vay đối với các trang trại, hộ sản xuất và DN chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2015), Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nghị định có hiệu lực từ ngày 1/8/2015 thay thế Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010;
2. Chính phủ, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống của nông dân, cư dân ở nông thôn;
3. Hoàng Thế Kiệt (2014), Vấn đề xây dựng nông thôn mới ở Trung Quốc. Học Viện thương mại - Đại học Quảng Tây;
4. Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Báo cáo thường niên giai đoạn 2008-2014;
5. Đặng Quang Vinh (2014), Kiến nghị chính sách tài chính nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn.